

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**
Số: 77/2020/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Lương, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 141/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đoàn Minh D**, sinh năm 1987 - Chủ đại lý vật tư nông nghiệp Đoàn Văn T (Đại T). Nay là Hộ kinh doanh Đoàn Minh D.

Địa chỉ: Số 197, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: 1/ Ông **Trương Văn M** – sinh năm 1948

2/ Bà **Lê Thị N** – sinh năm 1955 (bà N ủy quyền cho chồng là ông Trương Văn M tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền 15/7/2020).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện K, tỉnh K.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ: Anh Đoàn Minh D yêu cầu ông Trương Văn M và bà Lê Thị N trả cho anh số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn thiếu cả gốc và lãi là 371.901.775đ (*Ba trăm bảy mươi một triệu, chín trăm lẻ một nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng*). Ông Trương Văn M và bà Lê Thị N thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho anh D số tiền nêu trên.

- Về thời gian và cách trả nợ: Hai bên thống nhất ông Trương Văn M và bà Lê Thị N trả cho anh Đoàn Minh D cụ thể như sau:

+ Lần 01: Từ ngày 15/9/2020 – 15/03/2021 trả 75.000.000đ;

- + Lần 02: Từ ngày 16/03/2021 – 15/9/2021 trả 75.000.000đ;
- + Lần 03: Từ ngày 16/9/2021 – 15/03/2022 trả 75.000.000đ;
- + Lần 04: Từ ngày 16/03/2022 – 15/9/2022 trả 75.000.000đ;
- + Lần 05: Từ ngày 16/9/2022 – 15/03/2023 trả hết số tiền còn lại 71.901.775đ.

Trong trường hợp ông Trương Văn M và bà Lê Thị N vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nào thì anh Đoàn Minh D có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế thi hành toàn bộ số tiền còn lại để thu hồi nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 9.297.544đ (*Chín triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng*). Ông Trương Văn M và bà Lê Thị N tự nguyện nộp hết. Tuy nhiên ông M và bà N thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí theo Điều 12, 14 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được miễn $\frac{1}{2}$ số tiền án phí của mình là 4.648.772đ. Theo đó ông M và bà N còn phải nộp số tiền án phí còn lại là 4.648.772đ. Hoàn trả lại cho anh Đoàn Minh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.479.000đ theo biên lai thu tiền số 0000116 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng